

THÔNG BÁO

**Về việc chi trả tiền DVMTR trong năm 2016 cho các
chủ rừng thuộc lưu vực nhà máy thủy điện Đắk Psi 5**

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; số 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Thực hiện Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 6/3/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch thu, chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2016; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum thông báo cho Công ty cổ phần thủy điện Đức Thành kết quả chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đã thu trong năm 2016 cho các chủ rừng thuộc lưu vực nhà máy thủy điện Đắk Psi 5 như sau:

1. Kết quả thu và phân bổ sử dụng tiền chi trả DVMTR

a) Tổng số tiền DVMTR được sử dụng trong năm 2016: 577.913.534 đồng, trong đó:

- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum thu trong năm 2016 là 549.660.176 đồng.

- Lãi tiền gửi ngân hàng từ nguồn chi trả cho các chủ rừng là 28.253.358 đồng.

b) Phân bổ sử dụng: 577.913.534 đồng, trong đó:

- Chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum là 54.966.018 đồng.

- Chi trả cho các chủ rừng nằm trong lưu vực là 522.947.516 đồng.

2. Kết quả chi trả cho các chủ rừng

Đến ngày 28/4/2017, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum đã chi trả đầy đủ số tiền 522.947.516 đồng cho các chủ rừng nằm trong lưu vực nhà máy thủy điện Đắk Psi 5 tương ứng với diện tích rừng được nghiệm thu là 41.903,20 ha (diện tích quy đổi 38.363,04 ha).

(chi tiết có biểu kèm theo)



Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum thông báo đề Công ty cổ phần thủy điện Đức Thành biết./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần thủy điện Đức Thành;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Giám đốc, PGĐ Quỹ;
- Phòng TCHCKT thuộc Quỹ;
- Lưu VT, KHKT.

GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Hoàng



**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHO CÁC CHỦ RỪNG
THUỘC LƯU VỰC NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐẮK PSI 5 TRONG NĂM 2016**

(Kèm theo Thông báo số: 156 /TB-QBVPTR ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Diện tích có rừng (ha)	Diện tích quy đổi (ha)	Tổng tiền	Trong đó	
					Số tiền DVMTR thu trong năm 2016	Lãi từ nguồn chi trả cho các chủ rừng
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7
	Tổng	41.903,20	38.363,04	522.947.516	494.694.158	28.253.358
A	Chủ rừng là tổ chức	25.679,53	23.726,26	323.425.569	305.951.811	17.473.758
1	BQL rừng phòng hộ Đăk Hà	7.138,10	6.756,77	92.105.212	87.129.031	4.976.181
2	BQL rừng phòng hộ Kon Rẫy	98,19	93,28	1.271.557	1.202.859	68.699
3	BQL rừng phòng hộ Tu Mơ Rông	3.926,87	3.730,53	50.852.835	48.105.402	2.747.433
4	Công ty TNHH MTV LN Đăk Tô	10.951,21	10.122,91	137.990.898	130.535.645	7.455.253
5	Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam	2.019,39	1.635,71	22.297.196	21.092.543	1.204.654
6	Công ty TNHH InnovGreen Kon Tum	45,75	37,06	505.151	477.859	27.292
7	Xí nghiệp Phú thịnh	1.500,02	1.350,01	18.402.720	17.408.474	994.246
B	UBND xã, thị trấn	5.907,79	5.353,93	72.982.345	69.039.318	3.943.027
I	Huyện Đăk Tô	396,05	376,25	5.128.834	4.851.738	277.096
1	UBND xã Văn Lem	396,05	376,25	5.128.834	4.851.738	277.096
II	Huyện Đăk Hà	698,72	628,85	8.572.169	8.109.039	463.130
1	UBND xã Đăk Long	217,50	195,75	2.668.375	2.524.210	144.165
2	UBND xã Đăk Psi	481,22	433,10	5.903.794	5.584.829	318.965



20/11

TT	Đơn vị	Diện tích có rừng (ha)	Diện tích quy đổi (ha)	Tổng tiền	Trong đó	
					Số tiền DVMTR thu trong năm 2016	Lãi từ nguồn chi trả cho các chủ rừng
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7
III	Huyện Tu Mơ Rông	4.813,02	4.348,84	59.281.342	56.078.541	3.202.801
1	UBND xã Đắk Hà	1.279,56	1.151,61	15.698.222	14.850.092	848.130
2	UBND xã Măng Ri	172,36	155,12	2.114.580	2.000.335	114.245
3	UBND xã Ngọc Lậy	340,29	314,98	4.293.643	4.061.670	231.973
4	UBND xã Ngọc Yêu	949,69	859,60	11.717.654	11.084.583	633.071
5	UBND xã Tê Xăng	510,72	459,65	6.265.712	5.927.193	338.518
6	UBND xã Tu Mơ Rông	997,59	901,38	12.287.201	11.623.358	663.842
7	UBND xã Văn Xuôi	562,81	506,50	6.904.330	6.531.309	373.021
C	Chủ rừng hộ gia đình, cộng đồng dân cư	10.315,88	9.282,85	126.539.602	119.703.029	6.836.573
I	Huyện Tu Mơ Rông	4.454,83	4.007,91	54.633.959	51.682.243	2.951.716
1	Xã Ngọc Yêu	916,78	824,87	11.244.224	10.636.731	607.493
2	Xã Văn Xuôi	1.685,85	1.517,04	20.679.658	19.562.396	1.117.263
3	Xã Tê Xăng	77,92	70,13	955.953	904.305	51.647
4	Xã Tu Mơ Rông	26,87	24,18	329.652	311.841	17.810
5	Xã Đắk Hà	1.747,41	1.571,68	21.424.472	20.266.969	1.157.503

TT	Đơn vị	Diện tích có rừng (ha)	Diện tích quy đổi (ha)	Tổng tiền	Trong đó	
					Số tiền DVMTR thu trong năm 2016	Lãi từ nguồn chi trả cho các chủ rừng
I	2	3	4	5=6+7+8	6	7
II	Huyện Đắk Hà	5.861,05	5.274,95	71.905.643	68.020.787	3.884.856
1	Xã Đắk Psi	4.786,87	4.308,18	58.727.184	55.554.323	3.172.862
2	Xã Đắk Long	1.074,18	966,76	13.178.458	12.466.464	711.994

